

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 40 /2021/QĐ-UBND

Bến Tre, ngày 22 tháng 3 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung Điều 2 của Quy định số lượng, chức vụ, chức danh, chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bến Tre ban hành kèm theo Quyết định số 49/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị quyết số 653/2019/UBTVQH14 ngày 12 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019 - 2021;

Căn cứ Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 447/TTr-SNV ngày 12 tháng 3 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 2 của Quy định số lượng, chức vụ, chức danh, chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bến Tre ban hành kèm theo Quyết định số 49/2019/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre như sau:

“Điều 2. Số lượng, chức vụ, chức danh cán bộ, công chức cấp xã

1. Số lượng cán bộ, công chức cấp xã loại 3 được bố trí 18 người, gồm các chức vụ, chức danh cụ thể như sau:

a) Cán bộ cấp xã loại 3 gồm các chức vụ sau đây:

- Bí thư Đảng uỷ;
- Phó Bí thư Đảng uỷ (chuyên trách công tác Đảng) hoặc Thường trực Đảng uỷ (nơi không có Phó Bí thư Đảng uỷ chuyên trách công tác Đảng);
- Chủ tịch Hội đồng nhân dân (chức danh kiêm nhiệm);
- Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân;
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân;
- Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân;
- Trưởng khối vận - Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;
- Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam;
- Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam (áp dụng đối với xã, phường, thị trấn có hoạt động nông, lâm, ngư, diêm nghiệp và có tổ chức Hội Nông dân);
- Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

b) Công chức cấp xã loại 3 gồm các chức danh sau đây:

- Chỉ huy trưởng Quân sự;
- Văn phòng - Thống kê (phụ trách văn phòng, nội vụ, trực một cửa, thống kê, kinh tế, kế hoạch).
- Tài chính - Kế toán;
- Tư pháp - Hộ tịch (phụ trách tư pháp chung, hộ tịch kiêm bộ phận một cửa);
- Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường (đối với các xã): Mỗi xã, phường, thị trấn được bố trí 02 công chức (01 công chức phụ trách Địa chính - Xây dựng, 01 công chức phụ trách Đô thị và Môi trường/hoặc Nông nghiệp và Môi trường).
- Văn hóa - Xã hội: Bố trí 02 công chức, gồm: Văn hóa - Xã hội (phụ trách Văn hoá - Thông tin, Thể dục - Thể thao, Y tế, Giáo dục, Gia đình) và Văn hóa - Xã hội (phụ trách Lao động - Thương binh và Xã hội, phòng chống tệ nạn xã hội, giảm nghèo).

2. Số lượng cán bộ, công chức cấp xã loại 2 gồm các chức vụ, chức danh sau đây:

a) Đối với xã, thị trấn được bố trí 20 người, gồm:

- Cán bộ: Bố trí chức vụ cán bộ như cấp xã loại 3 và bổ sung thêm 01 chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân.

- Công chức: Bố trí chức danh công chức như cấp xã loại 3 và bổ sung thêm 01 chức danh, gồm: Văn phòng - Thống kê (phụ trách Kinh tế - Kế hoạch).

b) Đối với phường được bố trí 21 người, gồm:

- Cán bộ: Bố trí chức vụ cán bộ như cấp xã loại 3 và bổ sung thêm 01 chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân.

- Công chức: Bố trí chức danh công chức như cấp xã loại 3 và bổ sung thêm 02 chức danh, gồm: Văn phòng - Thống kê (phụ trách Kinh tế - Kế hoạch) và Tư pháp - Hộ tịch (phụ trách hộ tịch kiêm bộ phận một cửa).

3. Số lượng cán bộ, công chức cấp xã loại 1 gồm các chức vụ, chức danh sau đây:

a) Đối với xã, thị trấn được bố trí 22 người, gồm:

- Cán bộ: Bố trí chức vụ cán bộ như xã, thị trấn loại 2.

- Công chức: Bố trí chức danh công chức như xã, thị trấn loại 2 và bổ sung thêm 02 chức danh, gồm: Văn phòng - Thống kê (phụ trách văn phòng, trực một cửa) và Tư pháp - Hộ tịch (phụ trách hộ tịch kiêm bộ phận một cửa).

b) Đối với phường được bố trí 23 người, gồm:

- Cán bộ: Bố trí chức vụ cán bộ như phường loại 2.

- Công chức: Bố trí chức danh công chức như phường loại 2 và bổ sung thêm 02 chức danh, gồm: Văn phòng - Thống kê (phụ trách văn phòng, trực một cửa) và Địa chính - Xây dựng - Đô thị - Môi trường (phụ trách Xây dựng - Đô thị).

4. Ngoài số lượng cán bộ, công chức quy định tại Khoản 1, 2, 3 Điều này, đối với các đơn vị hành chính cấp xã mới hình thành sau khi nhập từ 02 đơn vị hành chính được bố trí nhiều hơn 10 người; các đơn vị hành chính cấp xã mới hình thành sau khi nhập từ 03 đơn vị hành chính được bố trí nhiều hơn 20 người. Chậm nhất là 05 năm kể từ ngày Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đối với từng đơn vị hành chính có hiệu lực thi hành thì số lượng cán bộ, công chức ở đơn vị hành chính mới phải thực hiện đúng theo quy định.

Điều 2. Bổ sung Điều 2a như sau

“Điều 2a. Điều khoản chuyển tiếp

Từ ngày Quyết định này có hiệu lực cho đến khi bầu ra Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021 - 2026, việc bố trí số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 49/2019/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh.”

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2021 và thay thế Quyết định số 24/2020/QĐ-UBND ngày 11/5/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Điều 2 của Quy định số lượng, chức vụ, chức danh, chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bến Tre ban hành kèm theo Quyết định số 49/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Chính quyền địa phương - Bộ Nội vụ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- HĐND tỉnh: Chủ tịch; các Phó Chủ tịch;
- UBND tỉnh: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch;
- Ban TT. UBMTTQVN tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Kho bạc Nhà nước Bến Tre; BHXH tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- Báo Đồng Khởi, Đài PT-TH tỉnh;
- Thường trực các Huyện ủy, Thành ủy;
- UBND các huyện, thành phố;
- VPUBND tỉnh: Ban lãnh đạo; Phòng TH;
- Công TTĐT;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Ngọc Tam